

Số: 185/QĐ-MN15B

Bình Thạnh, ngày 01 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai thu học phí và các khoản thu khác
năm học 2024 - 2025 của Trường Mầm non 15B**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON 15B

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ ban hành quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo có hiệu lực từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Nghị định số 97/2023/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán, ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND);

Căn cứ Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các khoản thu và mức thu, cơ

chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2024 - 2025 (Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND);

Căn cứ Công văn số 4299/UBND-VX 31 ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 4300/UBND-VX ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 3678/SGDDĐT-GDMN ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện thi điểm khảo sát làm quen tiếng Anh cho trẻ Mẫu giáo tại các cơ sở giáo dục mầm non;

Căn cứ Công văn số 5307/SGDDĐT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024 - 2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 585/VP ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về thu học phí và các khoản thu khác năm học 2024 - 2025;

Xét đề nghị của Hội đồng Trường Mầm non 15B về việc công khai các khoản thu năm học 2024 - 2025 theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai các khoản thu năm học 2024 – 2025 của Trường Mầm non 15B (Đính kèm danh sách).

Thời gian thực hiện: 9 tháng (từ tháng 9 năm 2024 đến tháng 5 năm 2025).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu, kế toán và các cán bộ viên chức của Trường Mầm non 15B chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



Bình Thạnh, ngày 01 tháng 11 năm 2024

DANH SÁCH
Các khoản thu năm học 2024 - 2025
của Trường Mầm non 15B
(Đính kèm Quyết định số 185/QĐ-MN15B ngày 01 tháng 11 năm 2024)

I. Học phí:

Stt	Diễn giải	Số tiền
1	Nhà trẻ (Trẻ/tháng)	200.000
2	Mẫu giáo (Trẻ/tháng)	160.000
3	Trẻ 5-6 tuổi	Được miễn học phí (bắt đầu áp dụng từ 01/9/2024)

Các đối tượng được miễn, giảm: Hộ cận nghèo (giảm 50% học phí), hộ nghèo miễn 100% học phí (có mã số của Phường xác nhận). Dân tộc Khơ me, Chăm miễn 100% học phí.

II. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND và các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác.

Stt	Diễn giải	Số tiền
1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND		
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú (Trẻ/ tháng)	330.000đ
2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng (Trẻ/tháng)	120.000đ
5	Dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng (Phần kinh phí Xã hội hóa theo Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết 04/2021/NQ-HĐND ngày 23/3/2021 của HĐND Thành phố (trẻ/tháng)	115.000 đ
6	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (Trẻ/năm)	50.000 đ
7	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của các lớp học có sử dụng máy lạnh (Tiền điện sử dụng và chi phí bảo trì máy lạnh) – trẻ/ tháng	26.0
2. Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác của chương trình nhà trường (Trên tinh thần tự nguyện của phụ huynh)		
8	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (01 buổi/tháng)	80.000 đ
9	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ (7 buổi/tháng)	120.000 đ
10	Tiền tổ chức các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ: Vẽ, Võ, Thể dục nhịp điệu (4 buổi/1 tháng)	80.0

3. Các khoản thu cho cá nhân học sinh		
11	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú (trẻ/năm)	390.000d
13	Tiền học phẩm (trẻ/năm)	50.000 d
14	Học cụ - học liệu (trẻ/năm)	230.000 d
15	Tiền suất ăn trưa bán trú (trẻ/ ngày)	37.000d
16	Tiền suất ăn sáng (trẻ/ ngày)	12.500 d
17	Tiền nước uống (trẻ/tháng)	12.000d



Trần Thị Hiền